TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2333/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường.

2. Bà Nguyễn Thị Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2196/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2471/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 3303/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1989 (Có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình

Tạm trú: Số D Đường E, Khu phố F, phường G, thành phố R, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phong T, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình

Tạm trú: Số D Đường E, Khu phố F, phường G, thành phố R, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Phong T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26-2011, quyển số 01-2011 do Ủy ban nhân dân xã Hưng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình chứng nhận ngày 03/3/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa chỉ: Số D Đường E, Khu phố F, phường G, thành phố R, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống, không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung chưa thành niên tên tên Nguyễn Phong Phúc K, sinh ngày 26/3/2011. Bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Phong T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không lấy lời khai của ông T được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được ly hôn ông Nguyễn Phong T; giao giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Phong Phúc K, sinh ngày 26/3/2011 cho bà Đỗ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên toà cùng lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Phong T có nơi cư trú vào thời điểm Tòa án thụ lý vụ án tại địa chỉ: Số D Đường E, Khu phố F, phường G, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Phong T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên toà sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Phong T.

Bà Đỗ Thị L có đơn xin vắng mặt, không tham gia phiên tòa. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Phong T tự nguyện đăng ký kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã Hưng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình chứng nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26-2011, quyển số 01-2016 ngày 03/3/2011. Do đó, căn cứ Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Thơm là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc được ly hôn ông Trần Quang Duy, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời khai của đương sự có thể khẳng định mâu thuẫn gia đình của ông T và bà L đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống, không có sự yêu thương, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống. Bản thân ông T cũng không thể hiện thiện chí trong việc muốn duy trì quan hệ hôn nhân vì ông đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng tại Toà nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà L. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được ly hôn ông Nguyễn Phong T.

- Về con chung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời khai của đương sự thể hiện ông T và bà L có 01 người con chưa thành niên tên Nguyễn Phong Phúc K, sinh ngày 26/3/2011. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét nguyện vọng và phải đảm bảo sự phát triển tốt mọi mặt của con chưa thành niên. Tại bản tự khai, trẻ Nguyễn Phong Phúc K trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử căn cứ chấp

nhận việc giao trẻ Nguyễn Phong Phúc K cho bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết quan hệ sản chung, nợ chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị L phải chịu án phí ly hôn 300,000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị L được ly hôn ông Nguyễn Phong T.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Phong Phúc K, sinh ngày 26/3/2011 cho bà Đỗ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị L về việc không yêu cầu ông Nguyễn Phong T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị L phải chịu án phí ly hôn 300,000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300,000 đồng bà Đỗ Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0028655 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đỗ Thị L đã thi hành xong nghĩa vụ đóng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Phong T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**